BỘ XÂY DỰNG **CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1543 /QĐ-CHHĐTVN	*Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố Danh mục định kỳ khảo sát vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM

Căn cứ Thông tư số 05/2026/TT-BXD ngày 10/02/2026 của Bộ Xây dựng quy định về bảo trì công trình hàng hải và tần suất khảo sát thông báo hàng hải;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: số 08/QĐ-BXD ngày 01/3/2025, số 152/QĐ-BXD ngày 03/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 08/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kết cấu hạ tầng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố Danh mục định kỳ khảo sát vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Tần suất khảo sát phục vụ thông báo hàng hải tại Quyết định này là tần suất tối thiểu. Trường hợp khu vực có điều kiện thủy văn phức tạp hoặc bồi lắng lớn, doanh nghiệp quản lý, khai thác công trình có trách nhiệm thực hiện khảo sát với tần suất nhiều hơn để phù hợp với nhu cầu thực tế và bảo đảm an toàn trong quá trình khai thác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các Cảng vụ Hàng hải có trách nhiệm:

a) Thông báo bằng văn bản đến doanh nghiệp quản lý, khai thác công trình thuộc phạm vi quản lý về Danh mục định kỳ khảo sát vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng tại Quyết định này và yêu cầu thực hiện khảo sát, thông báo hàng hải theo đúng tần suất quy định;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện khảo sát định kỳ của doanh nghiệp quản lý, khai thác công trình; kịp thời yêu cầu thực hiện đối với các trường hợp thực hiện không đầy đủ, không đúng thời hạn;

c) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, kết quả khảo sát do chủ đầu tư, doanh nghiệp quản lý, khai thác cảng gửi và thực hiện công bố thông báo hàng hải theo quy định của pháp luật;

d) Căn cứ kết quả khảo sát, tình hình sa bồi thực tế và điều kiện khai thác vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, tổ chức điều động tàu thuyền ra, vào hợp lý đảm bảo an toàn hàng hải;

đ) Trường hợp phát hiện diễn biến địa hình đáy, độ sâu thay đổi có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn hàng hải hoặc cần điều chỉnh tần suất khảo sát đã được công bố, kịp thời báo cáo Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để xem xét, quyết định;

e) Định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu, tổng hợp tình hình thực hiện khảo sát định kỳ tại địa bàn quản lý, báo cáo Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

g) Phối hợp với các doanh nghiệp quản lý, khai thác cảng để tiếp tục cập nhật thông tin (đối với các khu vực còn thiếu dữ liệu) và đề xuất điều chỉnh phù hợp với quy định.

2. Doanh nghiệp quản lý, khai thác công trình có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện khảo sát vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng theo đúng tần suất quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của số liệu khảo sát và kết quả khảo sát cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền;

c) Gửi hồ sơ, kết quả khảo sát đến Cảng vụ Hàng hải có thẩm quyền để thực hiện thông báo hàng hải theo quy định;

d) Trường hợp phát hiện độ sâu vùng nước không bảo đảm điều kiện khai thác hoặc có yếu tố ảnh hưởng đến an toàn hàng hải, phải kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các biện pháp cần thiết theo quy định;

đ) Trường hợp khu vực có điều kiện thủy văn phức tạp hoặc bồi lắng lớn, doanh nghiệp quản lý, khai thác công trình có trách nhiệm thực hiện khảo sát với tần suất nhiều hơn để phù hợp với nhu cầu thực tế và bảo đảm an toàn trong quá trình khai thác;

e) Chấp hành việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các yêu cầu khắc phục, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 395/QĐ-CHHVN ngày 23/3/2020 của Cục Hàng hải Việt Nam.

2. Đối với các tuyến luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước bến cảng, bến phao, khu chuyển tải mà Chủ đầu tư, doanh nghiệp quản lý, khai thác đã thực hiện khảo sát thông báo hàng hải theo quy định tại Quyết định số 395/QĐ-CHHVN ngày 23/3/2020 của Cục Hàng hải Việt Nam, trường hợp xác định theo tần suất khảo sát thông báo hàng hải quy định tại Quyết định này mà đã quá thời hạn thực hiện thì phải tổ chức thực hiện khảo sát thông báo hàng hải trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các Phòng có liên quan của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Giám đốc các Cảng vụ Hàng hải, Giám đốc các Cảng vụ Đường thủy nội địa, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục trưởng *(để b/c)*;
- Lưu: VT, KCHT(Q).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

BỘ XÂY DỰNG ★ CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM ★

Nguyễn Đình Việt

PHỤ LỤC I

Danh mục định kỳ khảo sát thông báo hàng hải vùng nước trước bến cảng, bến phao, khu chuyển tải

NHÓM CẢNG BIỂN SỐ 1

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
I	**CẢNG BIỂN QUẢNG NINH**		
1	Bến cảng Mũi Chùa		
1.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
2	Bến cảng than Cẩm Phả		
2.1	Bến số 1	02 năm/lần	
2.2	Bến số 2	02 năm/lần	
3	Bến cảng Nhà máy xi măng Cẩm Phả		
3.1	01 Cầu cảng xuất Clinker	02 năm/lần	
3.2	03 Cầu cảng nhập nguyên liệu và xuất xi măng bao	02 năm/lần	
4	Bến cảng 324	03 năm/lần	
5	Bến cảng Nhà máy đóng tàu Hạ Long		
5.1	Cầu trang trí	03 năm/lần	
5.2	Cầu 30.000 DWT	03 năm/lần	
5.3	Cầu 70.000 DWT	03 năm/lần	
6	Bến cảng Xăng dầu Cái Lân	03 năm/lần	
7	Bến cảng nhà máy xi măng Thăng Long		
7.1	Cầu cảng số 1 (xuất Clinker và xi măng rời)	02 năm/lần	
7.2	Cầu cảng số 2 (xuất xi măng bao)	02 năm/lần	
7.3	Cầu cảng số 3 (nhập nguyên liệu)	02 năm/lần	
8	Bến cảng chuyên dùng Nhà máy nhiệt điện Thăng Long		
8.1	Cầu cảng 1	03 năm/lần	
8.2	Cầu cảng 2	03 năm/lần	
8.3	Cầu cảng 3	03 năm/lần	
8.4	Cầu cảng 4	03 năm/lần	
9	Bến cảng Cái Lân		

9.1	Bến Tạm	03 năm/lần	
9.2	Cầu số 1	02 năm/lần	
9.3	Cầu số 5, Bến cảng Cái Lân	02 năm/lần	
9.4	Cầu số 6, Bến cảng Cái Lân	02 năm/lần	
9.5	Cầu số 7, Bến cảng Cái Lân	02 năm/lần	
9.6	Cầu số 2 Bến cảng Cái Lân	03 năm/lần	
9.7	Cầu số 3 Bến cảng Cái Lân	03 năm/lần	
9.8	Cầu số 4 Bến cảng Cái Lân	03 năm/lần	
10	Bến cảng nhà máy xi măng Hạ Long		
10.1	Cầu cảng xuất clinker	03 năm/lần	
10.2	Cầu nhập nguyên liệu và xuất xi măng bao	03 năm/lần	
11	Bến cảng xăng dầu B12		
11.1	Cầu cảng 40.000DWT- Bến cảng xăng dầu B12	03 năm/lần	
11.2	Cầu cảng 5.000DWT- Bến cảng xăng dầu B12	03 năm/lần	
11.3	Cầu cảng 500DWT- Bến cảng xăng dầu B12	03 năm/lần	
12	Bến cảng tàu khách quốc tế Hạ Long	02 năm/lần	
13	Bến cảng Nosco		
13.1	Cầu trang trí	02 năm/lần	
13.2	Cầu trang trí (phía thượng lưu)	02 năm/lần	
13.3	Cầu cảng trang trí số 1A	02 năm/lần	
14	Bến cảng Hải Phát – Giai đoạn 1	03 năm/lần	
15	Bến phao ITC-03	02 năm/lần	
16	Bến phao ITC-04	02 năm/lần	
17	Bến phao ITC-05	03 năm/lần	
II	**CẢNG BIỂN HẢI PHÒNG**		
1	Bến cảng Việt Nhật	03 năm/lần	
2	Bến cảng Vật Cách	02 năm/lần	
3	Bến cảng Tiến Mạnh	03 năm/lần	
4	Bến cảng Công ty TNHH Thương mại Nam Ninh	03 năm/lần	
5	Bến cảng 1000 DWT Công ty Cổ phần Vận tải & cung ứng xăng dầu	03 năm/lần	
6	Bến cảng chuyên dùng rau quả, thực phẩm tổng hợp Hùng Vương	03 năm/lần	

7	Bến cảng Lilama Hải Phòng	03 năm/lần	
8	Bến cảng Chuyên dùng Công ty liên doanh Khí hóa lỏng Thăng Long	02 năm/lần	
9	Bến cảng 3000DWT của Công ty CP Hóa dầu quân đội	03 năm/lần	
10	Bến cảng Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tự Long	03 năm/lần	
11	Bến cảng dầu Thượng Lý	02 năm/lần	
12	Bến cảng đóng tàu Bạch Đằng	03 năm/lần	
13	Bến cảng Cá Hạ Long	02 năm/lần	
14	Bến cảng Gas Đài Hải	02 năm/lần	
15	Bến cảng Cửa Cấm	02 năm/lần	
16	Bến cảng Thủy sản II	03 năm/lần	
17	Bến cảng Nam Hải	02 năm/lần	
18	Bến cảng Đoạn Xá	01 năm/lần	
19	Bến cảng Transvina	01 năm/lần	
20	Bến cảng Hải Đăng	01 năm/lần	
21	Bến cảng Greenport	01 năm/lần	
22	Bến cảng Chùa Vẽ	01 năm/lần	
23	Bến cảng chuyên dụng khí Thăng Long	01 năm/lần	
24	Bến cảng Đông Hải	01 năm/lần	
25	Bến cảng 128	01 năm/lần	
26	Bến cảng Dầu khí Hải Linh Hải Phòng	01 năm/lần	
27	Bến cảng Xăng dầu K99	01 năm/lần	
28	Bến cảng Xăng dầu Petec Hải Phòng	01 năm/lần	
29	Bến cảng Hải An	01 năm/lần	
30	Bến cảng Công ty TNHH MTV 189	01 năm/lần	
31	Bến cảng Xăng dầu 19-9	01 năm/lần	
32	Bến cảng PTSC Đình Vũ	01 năm/lần	
33	Bến cảng Đình Vũ	01 năm/lần	
34	Bến cảng Tân Vũ	01 năm/lần	
35	Bến cảng VIMC Đình Vũ	01 năm/lần	
36	Bến cảng Nam Hải Đình Vũ	01 năm/lần	

37	Bến cảng Container Vip Greenport	01 năm/lần	
38	Bến cảng chuyên dùng FGG	01 năm/lần	
39	Bến cảng Euro Đình Vũ	01 năm/lần	
40	Bến cảng Nhà máy DAP Hải Phòng	01 năm/lần	
41	Bến cảng MPC Port	01 năm/lần	
42	Bến cảng Nam Đình Vũ	01 năm/lần	
43	Bến cảng Container Quốc tế Tân cảng Hải Phòng	01 năm/lần	
44	Bến cảng số 3, số 4 Khu bến cảng Lạch Huyện	01 năm/lần	
45	Bến cảng số 5, số 6 Khu bến cảng Lạch Huyện (giai đoạn 1)	01 năm/lần	
46	Bến cảng Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng	03 năm/lần	
47	Bến cảng công nghiệp tàu thủy Nam Triệu	02 năm/lần	
48	Bến cảng Nhà máy đóng tàu Phà Rừng	02 năm/lần	
49	Bến Phao Bạch Đằng	03 năm/lần	
50	Bến Phao Gót	02 năm/lần	
51	Khu chuyển tải Lan Hạ	03 năm/lần	
III	**CẢNG BIỂN THÁI BÌNH**		
1	Bến cảng Diêm Điền	02 năm/ lần	
2	Bến cảng xuất nhập xăng dầu Hải Hà	02 năm/ lần	
3	Khu chuyển tải Hải Hà cho tàu có trọng tải đến 20.000 DWT	03 năm/ lần	
4	Khu chuyển tải Hải Hà cho tàu có trọng tải 48.000 và 60.000 DWT	03 năm/ lần	
5	Khu chuyển tải hàng lỏng (xăng dầu) tại cảng biển Thái Bình	12 tháng/lần	(*)
IV	**CẢNG BIỂN NAM ĐỊNH**		
1	Bến cảng Hải Thịnh	03 năm/ lần	
2	Bến cảng Nhà máy đóng tàu Thịnh Long	03 năm/ lần	
3	Khu chuyển tải xăng dầu tại Cửa Lạch Giang	03 năm/ lần	

Ghi chú: (*) Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 05/2026/TT-BXD: Đối với vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải mới được công bố lần đầu, hoặc sau khi nạo vét cải tạo, nâng cấp thực hiện khảo sát với tần suất 12 tháng/lần trong 03 năm đầu trừ trường hợp trong hồ sơ thiết kế yêu cầu thực hiện khảo sát với tần suất nhiều hơn để đảm bảo an toàn và theo dõi mức độ bồi lắng.

NHÓM CẢNG BIỂN SỐ 2

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
I	**CẢNG BIỂN THANH HOÁ**		
1	Bến cảng tổng hợp Nghi Sơn (Công ty CP DVKT tổng hợp PTSC Thanh Hóa)		
1.1	Cầu số 01	03 năm/lần	
1.2	Cầu số 02	03 năm/lần	
2	Bến cảng tổng hợp Nghi Sơn (Công ty CPĐTKS Đại Dương)		
2.1	Cầu số 03	02 năm/lần	
2.2	Cầu số 04	02 năm/lần	
2.3	Cầu số 05	02 năm/lần	
3	Bến cảng tổng hợp Nghi Sơn (Công ty CP Hóa chất Gama Thanh Hóa)		
3.1	Cầu số 6	03 năm/lần	
4	Bến cảng tổng hợp Long Sơn		
4.1	Cầu số 07	02 năm/lần	
4.2	Cầu số 08	02 năm/lần	
4.3	Cầu số 09	02 năm/lần	
5	Bến cảng tổng hợp quốc tế Nghi Sơn		
5.1	Cầu số 01	03 năm/lần	
5.2	Cầu số 02	03 năm/lần	
5.3	Cầu số 2A	03 năm/lần	
5.4	Cầu số 03	02 năm/lần	
5.5	Cầu số 04	02 năm/lần	
5.6	Cầu số 05	03 năm/lần	
6	Bến cảng Nhiệt điện Nghi Sơn 1		
6.1	Cầu cảng nhập than	03 năm/lần	
6.2	Cầu cảng nhập dầu HFO	03 năm/lần	

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
7	Bến cảng Nhiệt điện Nghi Sơn 2		
7.1	NĐ2	03 năm/lần	
8	Bến cảng Xi măng Nghi Sơn		
8.1	Jetty 01	01 năm/lần	
8.2	Jetty 02	03 năm/lần	
9	Bến cảng Dự án ĐTXD khu phát triển GAS&LNG và các loại hình phụ trợ lọc hóa dầu Nghi Sơn (AP)		
9.1	Cầu số 01	03 năm/lần	
9.2	Cầu số 02	03 năm/lần	
10	Bến cảng Lọc hóa dầu Nghi Sơn		
10.1	Cầu số 1A	03 năm/lần	
10.2	Cầu số 1B	03 năm/lần	
10.3	Cầu số 2A	03 năm/lần	
10.4	Cầu số 2B	03 năm/lần	
10.5	Cầu số 4A	03 năm/lần	
10.6	Cầu số 4B	03 năm/lần	
10.7	Phao SPM	03 năm/lần	
11	Bến cảng tổng hợp Quang Trung		
11.1	Cầu 11	12 tháng/lần trong 03 năm đầu	(*)
12	Bến cảng xăng dầu Quảng Hưng		
12.1	cầu số 01	03 năm/lần	
13	Bến cảng Lệ Môn		
13.1	Cầu số 01	03 năm/lần	
13.2	Cầu số 02	03 năm/lần	
14	Khu neo đậu chuyển tải của Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật Nghi Sơn		
14.1	Khu neo đậu chuyển tải 1,2	03 năm/lần	

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
II	**CẢNG BIỂN NGHỆ AN**		
1	Bến cảng Cửa Lò		
1.1	Cầu 1 (Cty CP Cảng Nghệ Tĩnh)	02 năm/lần	
1.2	Cầu 2 (Cty CP Cảng Nghệ Tĩnh)	02 năm/lần	
1.3	Cầu 3 (Cty CP Cảng Nghệ Tĩnh)	02 năm/lần	
1.4	Cầu 4 (Cty CP Cảng Nghệ Tĩnh)	02 năm/lần	
1.5	Cầu 5 (Cty TNHH Cảng Cửa Lò)	03 năm/lần	
2	Bến cảng Bến Thủy		
2.1	Cầu 1	03 năm/lần	
2.2	Cầu 2	03 năm/lần	
2.3	Cầu 3	03 năm/lần	
2.4	Cầu 6	03 năm/lần	
3	Bến Cảng Visssai - Khu 1		
3.1	Cầu 1	02 năm/lần	
3.2	Cầu 2	02 năm/lần	
3.3	Cầu 3	02 năm/lần	
3.4	Cầu 4	02 năm/lần	
3.5	Cầu 5	02 năm/lần	
3.6	Cầu 6	02 năm/lần	
3.7	Cầu 7	02 năm/lần	
4	Bến Cảng Visssai - Khu 2		
4.1	Cầu 1	03 năm/lần	
4.2	Cầu 2	03 năm/lần	
5	Bến cảng Xăng dầu DKC		
5.1	Cầu 10.000DWT	02 năm/lần	
5.2	Cầu 49.000DWT	01 năm/lần	
6	Bến phao Xăng dầu Nghi Hương	03 năm/lần	
7	Bến cảng Xuân Hải		

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
7.1	Cầu 1	03 năm/lần	
7.2	Cầu 2	03 năm/lần	
8	Cầu cảng 1.000 DWT - Kho Xăng dầu Xuân Giang	03 năm/lần	
9	Cầu dầu Hưng Hòa	03 năm/lần	
10	Cầu 400T của Tổng công ty BĐATHH Việt Nam	03 năm/lần	
11	Bến Cảng Xuân Phổ (Cảnh sát biển)	03 năm/lần	
12	Bến Cảng Cục hậu cần - Kỹ thuật Quân khu IV	03 năm/lần	
III	**CẢNG BIỂN HÀ TĨNH**		
1	Bến cảng Vũng Áng		
1.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
1.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
1.3	Cầu cảng số 3	12 tháng/lần trong 03 năm đầu	(*)
2	Bến cảng Xăng dầu LPG Vũng Áng		
2.1	Cầu 15.000 DWT	03 năm/lần	
2.2	Cầu 3.000 DWT	03 năm/lần	
3	Bến cảng Nhiệt điện Vũng Áng 1		
3.1	Cầu Đông	02 năm/lần	
3.2	Cầu Tây	01 năm/lần	
4	Bến cảng Nhiệt điện Vũng Áng II		
4.1	Cầu cảng Nhiệt điện Vũng Áng II	12 tháng/lần trong 03 năm đầu	(*)
5	Bến cảng Sơn Dương		
5.1	Cầu cảng S1	03 năm/lần	
5.2	Cầu cảng S2	03 năm/lần	
5.3	Cầu cảng S3	03 năm/lần	

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
5.4	Cầu cảng W1	03 năm/lần	
5.5	Cầu cảng W2	03 năm/lần	
5.6	Cầu cảng W3	03 năm/lần	
5.7	Cầu cảng W4	03 năm/lần	
5.8	Cầu cảng W5	03 năm/lần	
5.9	Cầu cảng W6	03 năm/lần	
5.10	Cầu cảng W7	03 năm/lần	
5.11	Cầu cảng A1	03 năm/lần	
5.12	Cầu cảng A2	03 năm/lần	
5.13	Cầu cảng N2	03 năm/lần	
6	Khu neo đậu, chuyển tải xăng dầu tại khu vực Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	03 năm/lần	Hạn cho phép hoạt động đến 2027
IV	**CẢNG BIỂN QUẢNG BÌNH, QUẢNG TRỊ**		
1	Bến cảng chuyên dùng Trung tâm điện lực Quảng Trạch		
1.1	Cầu cảng số 1	12 tháng/lần trong 03 năm đầu	(*)
2	Bến cảng Hòn La		
2.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
3	Bến cảng quốc tế Hòn La		
3.1	Cầu cảng số 1	12 tháng/lần trong 03 năm đầu	(*)
4	Bến cảng Thắng Lợi		
4.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
4.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
5	Bến cảng xăng dầu sông Gianh		
5.1	Cảng xăng dầu	03 năm/lần	
6	Bến cảng Gianh		
6.1	Cầu cảng Gianh	03 năm/lần	
7	Bến cảng xăng dầu Hải Hà		
7.1	Cầu cảng xăng dầu Hải Hà	03 năm/lần	
8	Bến cảng Cửa Việt		
8.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
8.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
8.3	Cầu cảng Hợp Thịnh	03 năm/lần	
8.4	Cầu cảng số 4 (cảng hành khách)	12 tháng/lần trong 03 năm đầu	(*)
9	Bến phao Hưng Phát	-	Tạm ngừng hoạt động từ năm 2018
10	Khu chuyển tải tạm thời Cửa Gianh	03 năm/lần	
11	Khu chuyển tải số 2 tại Cửa Việt	03 năm/lần	
V	**CẢNG BIỂN HUẾ**		
1	Bến cảng Chân Mây		
1.1	Cầu cảng số 1 (Tuyến mép bến phía biển)	02 năm/lần	
1.2	Cầu cảng số 1 (Tuyến mép bến phía bờ) và khu nước kết nối từ luồng hàng hải công cộng	03 năm/lần	
1.3	Cầu cảng số 2 và khu nước kết nối từ luồng hàng hải công cộng	02 năm/lần	
1.4	Cầu cảng số 3	02 năm/lần	
2	Bến cảng Thuân An		

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
2.1	Cầu cảng số 1	-	Dừng khai thác từ năm 2010
2.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
3	Bến phao xăng dầu Chân Mây	03 năm/lần	
4	Khu chuyển tải tại Chân Mây	01 năm/lần	(*)

Ghi chú:

- (*) Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 05/2026/TT-BXD: Đối với vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải mới được công bố lần đầu, hoặc sau khi nạo vét cải tạo, nâng cấp thực hiện khảo sát với tần suất 12 tháng/lần trong 03 năm đầu trừ trường hợp trong hồ sơ thiết kế yêu cầu thực hiện khảo sát với tần suất nhiều hơn để đảm bảo an toàn và theo dõi mức độ bồi lắng.

- Đối với bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải đang tạm dừng khai thác, dừng hoạt động: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư 05/2026/TT-BXD ngày 10/02/2026 của Bộ Xây dựng.

NHÓM CẢNG BIỂN SỐ 3

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
I	**CẢNG BIỂN ĐÀ NẴNG**		
1	Bến cảng Tiên Sa		
1.1	Cầu cảng Tiên Sa 1A	02 năm/lần	
1.2	Cầu cảng Tiên Sa 1B	02 năm/lần	
1.3	Cầu cảng Tiên Sa 2A	02 năm/lần	
1.4	Cầu cảng Tiên Sa 2B	02 năm/lần	
1.5	Cầu cảng Tiên Sa 3	02 năm/lần	
1.6	Cầu cảng Tiên Sa 4	02 năm/lần	
1.7	Cầu cảng Tiên Sa 5	02 năm/lần	
1.8	Cầu cảng Tiên Sa 7A, 7B	03 năm/lần	
2	Bến cảng Sơn Trà	03 năm/lần	
3	Bến cảng Hải Sơn	03 năm/lần	
4	Bến cảng Sông Thu	03 năm/lần	
5	Bến cảng Thọ Quang	03 năm/lần	
6	Bến cảng PV Gas	03 năm/lần	
7	Bến cảng Xi Măng Hải Vân	03 năm/lần	
10	Bến phao Mỹ Khê	03 năm/lần	
11	Bến phao Petec	03 năm/lần	
12	Bến phao K83 Liên Chiểu	03 năm/lần	
13	Bến phao PV Oil Miền Trung	03 năm/lần	
II	**CẢNG BIỂN QUẢNG NAM**		
1	Bến cảng Chu Lai		
1.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
1.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
2	Bến cảng Kỳ Hà		
2.1	Cầu cảng số 1 thuộc Cảng Quân sự Kỳ Hà	03 năm/lần	
2.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
III	**CẢNG BIỂN QUẢNG NGÃI**		
1	Bến cảng xuất/nhập sản phẩm Nhà máy Lọc dầu Dung Quất		

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
1.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
1.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
1.3	Cầu cảng số 3	03 năm/lần	
1.4	Cầu cảng số 4	03 năm/lần	
1.5	Cầu cảng số 5	03 năm/lần	
1.6	Cầu cảng số 6	03 năm/lần	
2	Bến phao một điểm neo (SPM) Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	03 năm/lần	
3	Bến cảng PTSC Quảng Ngãi		
3.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
3.2	Cầu cảng bến tàu lai và tàu chuyên ngành dầu khí	03 năm/lần	
3.3	Bến cảng số 3	01 năm/lần	(*)
4	Bến cảng Gemadept Dung Quất - Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
5	Bến cảng chuyên dùng HD Hyundai Eco Vina	03 năm/lần	
6	Bến cảng Tổng hợp Hào Hưng		
6.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
6.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
6.3	Cầu cảng số 3	03 năm/lần	
6.4	Cầu cảng số 4	03 năm/lần	
7	Bến cảng tổng hợp - container Hòa Phát Dung Quất		
7.1	Cầu cảng số 6	03 năm/lần	
7.2	Cầu cảng số 7	03 năm/lần	
8	Bến cảng chuyên dùng KLH sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất		
8.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
8.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
8.3	Cầu cảng số 3	03 năm/lần	
8.4	Cầu cảng số 4	03 năm/lần	
8.5	Cầu cảng số 5	02 năm/lần	
8.6	Cầu cảng số 6	02 năm/lần	
8.7	Cầu cảng số 7	03 năm/lần	
8.8	Cầu cảng số 8	03 năm/lần	

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
8.9	Cầu cảng số 9	03 năm/lần	
8.10	Cầu cảng số 10	03 năm/lần	
8.11	Cầu cảng số 11	03 năm/lần	
8.12	Cầu cảng tàu lai dắt Hòa Phát	03 năm/lần	
9	Bến cảng Sa Kỳ	03 năm/lần	
10	Bến cảng Bến Đình	03 năm/lần	
IV	**CẢNG BIỂN BÌNH ĐỊNH**		
1	Bến cảng Quy Nhơn		
1.1	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	
1.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
1.3	Cầu cảng số 3	02 năm/lần	
1.4	Cầu cảng số 4	02 năm/lần	
2	Bến cảng Tân Cảng Quy Nhơn	02 năm/lần	
3	Bến cảng Thị Nại		
3.1	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	
3.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
4	Bến cảng Quân sự Quy Nhơn		
4.1	Cầu cảng Tân Cảng Miền Trung - cầu số 1	02 năm/lần	
5	Bến phao xăng dầu Bình Định	03 năm/lần	
6	Khu chuyển tải cho tàu Lash tại khu vực Quy Nhơn - Thị Nại - Đống Đa	03 năm/lần	
7	Khu chuyển tải tại vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đắk Lắk		
7.1	Khu chuyển tải Vịnh Xuân Đài	03 năm/lần	
7.2	Khu chuyển tải An Hải	03 năm/lần	
V	**CẢNG BIỂN PHÚ YÊN**		
6	Bến cảng Vũng Rô	03 năm/lần	
7	Bến phao cảng xăng dầu Vũng Rô	03 năm/lần	
VI	**CẢNG BIỂN KHÁNH HOÀ**		
1	Bến cảng Tổng hợp Bắc Vân Phong	03 năm/lần	
2	Bến cảng Đầm Môn	-	(**)
3	Bến cảng Hòn Khói	03 năm/lần	

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
4	Bến cảng Nhà máy đóng bao, Trạm PPXM Xuân Thành	03 năm/lần	
5	Bến cảng Nhà máy đóng bao và phân phối xi măng Long Sơn	03 năm/lần	
6	Bến cảng Trạm PPXM Ninh Thuỷ	03 năm/lần	
7	Bến cảng Tổng hợp Nam Vân Phong	02 năm/lần	
8	Bến cảng Nhà máy tàu biển Hyundai Việt Nam	03 năm/lần	
9	Bến cảng Kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong	03 năm/lần	
10	Bến cảng Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1	03 năm/lần	
11	Bến cảng Công viên Bến du thuyền quốc tế	12 tháng/lần	(*)
12	Bến phao Mũi Chụt	03 năm/lần	
13	Bến cảng Học viện Hải quân	03 năm/lần	
14	Bến cảng Nha Trang (cầu cảng số 3)	-	Cầu cảng bị sập năm 2024
15	Khu neo tàu khách, du thuyền đến 215.863GT tại vịnh Nha Trang	12 tháng/lần	(*)
16	Bến cảng khí hóa lỏng Hồng Mộc	03 năm/lần	
17	Bến cảng cảng K662	03 năm/lần	
18	Bến cảng Nhà máy XMCR	03 năm/lần	
19	Bến cảng quốc tế Cam Ranh	03 năm/lần	
20	Bến cảng Ba Ngòi	02 năm/lần	
21	Khu chuyển tải dầu Vân Phong	-	Dừng hoạt động
VII	**CẢNG BIỂN NINH THUẬN**		
1	Bến cảng Ninh Chữ	-	Dừng hoạt động
2	Bến cảng quốc tế Trung Nam Cà Ná	03 năm/lần	
VIII	**CẢNG BIỂN BÌNH THUẬN**		
1	Bến cảng quốc tế Vĩnh Tân	03 năm/lần	
2	Bến cảng chuyên dùng nhà máy nhiệt điện đốt than BOT Vĩnh Tân 1	03 năm/lần	
3	Bến cảng chuyên dùng nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2	02 năm/lần	

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
4	Bến cảng chuyên dùng nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4	03 năm/lần	
5	Bến cảng Xăng dầu, LPG Tuy Phong	03 năm/lần	
6	Bến cảng Phan Thiết	02 năm/lần	
7	Bến cảng Phú Quý	02 năm/lần	
8	Khu neo đậu chuyển tải tạm thời tại Vĩnh Tân (Công ty TNHH Hàng hải Sao Mai)	03 năm/lần	
9	Khu neo đậu chuyển tải xăng dầu cho tàu 70.000DWT (Công ty CP Tập đoàn Dương Đông)	03 năm/lần	

Ghi chú:

- (*) Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 05/2026/TT-BXD: Đối với vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải mới được công bố lần đầu, hoặc sau khi nạo vét cải tạo, nâng cấp thực hiện khảo sát với tần suất 12 tháng/lần trong 03 năm đầu trừ trường hợp trong hồ sơ thiết kế yêu cầu thực hiện khảo sát với tần suất nhiều hơn để đảm bảo an toàn và theo dõi mức độ bồi lắng.

- (**) Không hoạt động, BQL Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa đã có văn bản số 2310/TB-KKTKCN ngày 16/6/2026 thông báo thu hồi đất.

- Đối với bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải đang tạm dừng khai thác, dừng hoạt động: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư 05/2026/TT-BXD ngày 10/02/2026 của Bộ Xây dựng.

NHÓM CẢNG BIỂN SỐ 4

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
I	**CẢNG BIỂN BÌNH DƯƠNG, ĐỒNG NAI**		
1	Bến cảng Bình Dương		
1.1	Cầu cảng TH Bình Dương	03 năm/lần	
2	Bến cảng Gas - PVC Phước Thái	02 năm/lần	
3	Bến cảng Vedan Phước Thái		
3.1	Cầu cảng 12,000DWT	03 năm/lần	
3.2	Cầu cảng 10,000DWT	03 năm/lần	
4	Bến cảng Đồng Nai (Phân cảng Gò Dầu A)		
4.1	Cầu Cảng số 2	03 năm/lần	
4.2	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	
4.3	Cầu cảng số 3	02 năm/lần	
5	Bến cảng Đồng Nai (Phân cảng Gò Dầu B)		
5.1	Cầu Cảng số 1	02 năm/lần	
5.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
5.3	Cầu cảng số 3	02 năm/lần	
5.4	Cầu cảng số 4	02 năm/lần	
5.5	Cầu cảng số 5	02 năm/lần	
6	Bến cảng Đồng Nai (Phân cảng Long Bình Tân)		
6.1	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
6.2	Cầu cảng số 2 mở rộng	03 năm/lần	
6.3	Cầu cảng số 3	02 năm/lần	
6.4	Cầu cảng số 3 mở rộng	02 năm/lần	
7	Bến Cảng Vĩnh Hưng	02 năm/lần	
8	Bến Cảng Hoá Sinh Vàm cỏ	03 năm/lần	
9	Bến Cảng Vopak	02 năm/lần	
10	Bến Cảng Long Thành	03 năm/lần	
11	Bến Cảng Phước An		
11.1	Cầu cảng số 5, số 6, sô 6 nối dài, số 7	03 năm/lần	
12	Bến cảng TH KCN Ông Kèo	02 năm/lần	
13	Bến cảng LPG Hồng Mộc	02 năm/lần	

14	Bến cảng Xi măngе Công Thanh	03 năm/lần	
15	Bến cảng Phú Đông	02 năm/lần	
16	Bến cảng Xăng dầu Phước Khánh	02 năm/lần	
17	Bến Cảng SCT Gas	02 năm/lần	
18	Bến Cảng SCC VN Nhơn Trạch	02 năm/lần	
19	Bến Cảng Xăng dầu Kho 186	02 năm/lần	
20	Bến phao PL02	02 năm/lần	
II	**CẢNG BIỂN TP HỒ CHÍ MINH**		
1	Bến Cảng Sài Gòn		
1.1	M.1	03 năm/lần	
1.2	M.2	02 năm/lần	
1.3	M.3	03 năm/lần	
1.4	M.4	03 năm/lần	
1.5	K.0	03 năm/lần	
1.6	K.1	03 năm/lần	
1.7	K.2	02 năm/lần	
1.8	K.3	02 năm/lần	
1.9	K.4	01 năm/lần	
1.10	K.5	01 năm/lần	
1.11	K.6	02 năm/lần	
1.12	K.7	02 năm/lần	
1.13	K.8	01 năm/lần	
1.14	K.9	01 năm/lần	
1.15	K.10	03 năm/lần	
1.16	K.12C	01 năm/lần	
1.17	K.12A	03 năm/lần	
1.18	K.12	03 năm/lần	
1.19	K.12B	02 năm/lần	
2	Bến cảng Tân Thuận 2	01 năm/lần	
3	Bến cảng Tân Thuận Đông (Công ty CP dịch vụ Vận tải Sài Gòn)	01 năm/lần	
4	Bến cảng Bến Nghé (Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé)		
4.1	K.14		

4.2	K.15	02 năm/lần	
4.3	K.15B	01 năm/lần	
4.4	K.15C	01 năm/lần	
5	Bến cảng Bến Nghé Phú Hữu	02 năm/lần	
6	Bến cảng Container Quốc tế Việt Nam VICT (Công ty Liên doanh Phát triển tiếp vận số 1)		
6.1	V1	01 năm/lần	
6.2	V2	01 năm/lần	
6.3	V3, V4	01 năm/lần	
7	Bến cảng ELF gas Sài Gòn	02 năm/lần	
8	Bến cảng Biển Đông (Công ty CP Công nghiệp Thủy Sản)		
8.1	Cầu cảng số 1	01 năm/lần	
8.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
9	Bến cảng công nghiệp tàu thủy Sài Gòn (Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn)		
9.1	Công nghiệp tàu	03 năm/lần	
10	Bến cảng Rau Quả		
10.1	K.16	01 năm/lần	
11	Bến cảng Bông Sen		
11.1	K.17	01 năm/lần	
11.2	K.18	01 năm/lần	
12	Bến cảng Container Quốc tế SP-ITC		
12.1	SP-ITC02 (phân đoạn 6-10)	02 năm/lần	
12.3	SP-ITC01 (Phân đoạn 1-5)	02 năm/lần	
13	Bến Cảng Trạm tiếp nhận, nghiền và phân phối xi măng phía Nam (Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi Măng VICEM Hà Tiên - Trạm nghiền Phú Hữu)		
13.1	Cầu cảng chiều dài 205m cho tàu trọng tải đến 20.000 DWT	03 năm/lần	
13.2	Cầu cảng cho tàu trọng tải đến 1.500 DWT	03 năm/lần	
13.3	Cầu cảng cho tàu trọng tải đến 1.500 DWT	01 năm/lần	
14	Bến cảng Tân cảng Cát Lái		
14.1	Cầu cảng 2.200 DWT	03 năm/lần	
14.2	Cầu cảng số 7	03 năm/lần	

14.3	Cầu cảng số 5	01 năm/lần	
14.4	Cầu cảng số 4	01 năm/lần	
14.5	Cầu tàu số 2	01 năm/lần	
14.6	Cầu tàu số 1	01 năm/lần	
15	Bến cảng Cát Lái		
15.1	Cầu cảng Dịch vụ biển	01 năm/lần	
16	Bến cảng xăng dầu Sài Gòn Petro (Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh)		
16.1	A	03 năm/lần	
16.2	Mạn trong Cầu A	01 năm/lần	
16.3	B	03 năm/lần	
17	Bến cảng xi măng Sao Mai (cảng Trạm Xi măng Cát Lái - Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam)	03 năm/lần	
18	Bến cảng Dầu thực vật Nhà Bè (Navioil) - Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex)		
18.1	Cầu cảng 20.000 DWT	03 năm/lần	
18.2	Navioil	01 năm/lần	
19	Bến cảng Đóng tàu và Công nghiệp hàng hải Sài Gòn (Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp hàng hải Sài Gòn)	01 năm/lần	
20	Bến cảng Đóng tàu An Phú (Công ty CP Đóng tàu An Phú)	01 năm/lần	
21	Bến cảng thương mại vận tải xăng dầu Minh Tấn (Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Tấn Trường Group)	01 năm/lần	
22	Bến cảng trường kỹ thuật nghiệp vụ Hàng Giang II	01 năm/lần	
23	Bến cảng Tổng kho xăng dầu Nhà Bè (Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn)		
23.1	3A	03 năm/lần	
23.2	2A	03 năm/lần	
23.3	4A	03 năm/lần	
23.4	1A	03 năm/lần	
23.5	1B	03 năm/lần	

23.6	3B	02 năm/lần	
23.7	4B	02 năm/lần	
23.8	1C	03 năm/lần	
23.9	2C	02 năm/lần	
24	Bến cảng xăng dầu PVOIL Nhà Bè (Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè PVOIL)		
24.1	Cầu cảng xăng dầu số 2	03 năm/lần	
24.2	Cầu cảng xăng dầu số 1	02 năm/lần	
25	Bến cảng kho xăng dầu VK.102 (Cục Hậu cần Quân khu 7)		
25.1	VK102	02 năm/lần	
26	Bến cảng Tổng kho xăng dầu 102 mở rộng (Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP)		
26.1	Cầu cảng Thanh Lễ	03 năm/lần	
27	Bến cảng Lâm Tài Chánh (Lataca) Công ty TNHH TM Sản phẩm hóa dầu Lâm Tài Chánh		
27.1	Cầu cảng chuyên dụng 15.000DWT	01 năm/lần	
28	Bến cảng X51 (Công ty TNHH MTV Đóng và Sửa tàu Hải Minh)		
28.1	Cầu cảng X51	01 năm/lần	
29	Bến cảng xi măng Fico – Trạm nghiền Hiệp Phước (Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Fico Tây Ninh – Trạm nghiền Hiệp Phước)		
29.1	Cầu cảng số 1	01 năm/lần	
29.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
30	Bến cảng xi măng Thăng Long (Chi nhánh Công ty CP xi măng Thăng Long)		
30.1	Trạm nghiền xi măng Thăng Long	02 năm/lần	
30.2	Cầu cảng 2.000 DWT (phía mặt trong sàn công nghệ của cầu cảng cho tàu có trọng tải 15.000DWT)	02 năm/lần	
30.3	Bến sà lan	02 năm/lần	
31	Bến cảng chuyên dùng Nhà máy nghiền Clinker Hiệp Phước (Công ty Xi măng Chinfon)		
31.1	Cầu cảng số 1	01 năm/lần	
31.2	Cầu cảng số 2	01 năm/lần	

32	Bến cảng Tân cảng Hiệp Phước (Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn)		
32.1	Cầu cảng số 1	01 năm/lần	
32.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
32.3	Cầu cảng số 3 (Bến sà lan)	02 năm/lần	
33	Bến cảng điện Hiệp Phước		
33.1	Điện Hiệp Phước	01 năm/lần	
34	Bến cảng xi măng Nghi Sơn (tại Hiệp Phước)		
34.1	Cấu cảng chuyển dùng xi măng Hiệp Phước	01 năm/lần	
34.2	Cầu cảng sà lan	02 năm/lần	
34.3	Cầu cảng sà lan số 2	01 năm/lần	
35	Bến cảng container Trung tâm Sài Gòn (SPCT) - Công ty Cảng Container Trung tâm Sài Gòn		
35.1	SPCT	01 năm/lần	
36	Bến cảng chuyên dùng Calofic (Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước)		
36.1	Chuyên dùng Calofic	01 năm/lần	
37	Bến cảng Saint-Gobain Việt Nam (Công ty TNHH Saint – Gobain Việt Nam)		
37.1	Cầu cảng số 1	01 năm/lần	
38	Bến cảng Xi măng Hạ Long (Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long)		
38.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
38.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
38.3	Cầu cảng xuất 1.000 DWT (02 âu tàu - 03 cầu âu)	03 năm/lần	
39	Bến cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước)		
39.1	Cầu cảng số 3	02 năm/lần	
39.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
39.3	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	
40	Bến cảng quốc tế Long An (Công ty CP Cảng Long An)		
40.1	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	
40.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
40.3	Cầu cảng số 3	02 năm/lần	

40.4	Cầu cảng số 4	02 năm/lần	
40.5	Cầu cảng số 5	02 năm/lần	
40.6	Cầu cảng số 6	02 năm/lần	
40.7	Cầu cảng số 7	02 năm/lần	
41	Bến cảng dầu khí Quốc tế Pacific Petro (Công ty CP Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương)		
41.1	Cầu cảng	02 năm/lần	
42	Bến cảng Fu-I (Công ty TNHH Công nghiệp FU-I)		
42.1	Cầu cảng nhập nguyên vật liệu	02 năm/lần	
42.2	Cầu cảng xuất sản phẩm	02 năm/lần	
43	Bến cảng xăng dầu Soài Rạp - Hiệp Phước (Công ty CP Kho cảng Ngoại quan và TMDK Nam Sông Hậu Gò Công)		
43.1	Cầu cảng xăng dầu Soài Rạp - Hiệp Phước	02 năm/lần	
43.2	Cầu cảng 1.500DWT	02 năm/lần	
44	Bến cảng Hải đoàn 129 (Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa)		
44.1	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	
44.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
44.3	Cầu cảng số 3	02 năm/lần	
45	Bến cảng Hà Lộc (Công ty TNHH Hà Lộc)	03 năm/lần	
46	Bến cảng Trung tâm Phối hợp, tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực III (Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải khu vực III)	02 năm/lần	
47	Bến cảng quốc phòng quân khu 7 (Công ty TNHH MTV Đông Hải)	02 năm/lần	
48	Bến cảng Côn Đảo-Vũng Tàu (Ban Quản Lý Cảng Bến Đầm)	03 năm/lần	
49	Bến cảng Thương Cảng Vũng Tàu (Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu)	03 năm/lần	
50	Bến cảng kho xăng dầu K2 (Công ty TNHH MTV xăng dầu Bà Rịa-Vũng Tàu)	03 năm/lần	
51	Cầu cảng NASOS (Trung tâm ƯPSCTD Khu vực phía Nam)	03 năm/lần	
52	Bến cảng Vungtau shipyard (Công ty cổ phần Đóng tàu và dịch vụ dầu khí Vũng Tàu)	02 năm/lần	

53	Bến cảng trang trí 10.000 DWT thuộc nhà máy đóng và sửa chữa tàu biển Sài Gòn (Công ty TNHH đóng tàu và cơ khí hàng hải Sài Gòn)	02 năm/lần	
54	Bến cảng Khu công nghiệp Đông Xuyên (Công ty Cổ phần cảng Đông Xuyên)	01 năm/lần	
55	Bến cảng Vina Offshore (Công ty TNHH Kỹ thuật CKHH Vina Offshore)	02 năm/lần	
56	Bến cảng của Công ty TNHH Vard Vũng Tàu (Công ty TNHH Vard Vũng Tàu)		
56.1	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	
56.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
57	Bến cảng Vạn An (Công ty Cổ phần Hóa dầu Vạn An)	02 năm/lần	
58	Bến cảng Xăng dầu PTSC (Tổng công ty dầu Việt Nam (PV Oil) - Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Miền Đông)	01 năm/lần	
59	Bến cảng Kho xăng dầu Cù Lao Tào (Tổng công ty dầu Việt Nam (PV Oil) - Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Miền Đông)	02 năm/lần	
60	Bến cảng Thượng lưu PTSC (Tổng công ty dầu Việt Nam (PV Oil) - Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Miền Đông)	03 năm/lần	
61	Bến cảng Vietsovpetro (Xí Nghiệp Dịch vụ cảng và cung ứng vật tư thiết bị, Liên doanh dầu khí Việt - Nga Vietsovpetro)		
61.1	Cầu số 0	02 năm/lần	
61.2	Cầu số 1	02 năm/lần	
61.3	Cầu số 2	02 năm/lần	
61.4	Cầu số 3	02 năm/lần	
61.5	Cầu số 4	02 năm/lần	
61.6	Cầu số 5	02 năm/lần	
61.7	Cầu số 6	02 năm/lần	
61.8	Cầu số 7	02 năm/lần	
61.9	Cầu số 8	02 năm/lần	
61.10	Cầu số 9	02 năm/lần	
62	Bến cảng Hạ lưu PTSC (Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí)		
62.1	Cầu cảng hạ lưu PTSC Phân đoạn 9-17	02 năm/lần	

62.2	Cầu cảng căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí hạ lưu Vũng Tàu Phân đoạn 1-8	02 năm/lần	
63	Bến cảng Chế tạo giàn khoan dầu khí (PV Shipyard) (Công ty cổ phần Chế tạo giàn khoan dầu khí)		
63.1	Cầu cảng số 1 (giai đoạn 1)	02 năm/lần	
63.2	Cầu cảng số 2 (giai đoạn 2)	02 năm/lần	
64	Bến cảng Kết cấu kim loại và lắp máy dầu khí (PVC-MS) (Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và lắp máy dầu khí)	02 năm/lần	
65	Bến cảng chuyên dụng Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam (Công ty TNHH hoá dầu Long Sơn)		
65.1	Cầu cảng Hydrocarbon số 1	01 năm/lần	
65.2	Cầu cảng Hydrocarbon số 2	01 năm/lần	
65.3	Cầu cảng xây dựng	01 năm/lần	
66	Bến cảng Khu dịch vụ công nghiệp Long Sơn (giai đoạn 1) (Công ty CP Cảng Quốc tế Long Sơn)	03 năm/lần	
67	Bến Trạm cảng xi măng Cẩm Phả (Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - Chi nhánh phía Nam)		
67.1	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	
67.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
68	Bến cảng Nhà máy điện Phú Mỹ (Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ - Chi nhánh Tổng công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần)		
68.1	Cầu Cảng dầu Phú Mỹ của Nhà máy điện Phú Mỹ 1	02 năm/lần	
68.2	Cầu cảng dầu Nhà máy điện Phú Mỹ 2-1	02 năm/lần	
69	Bến cảng SCC-VN Thị Vải (Công ty TNHH Siamcity Cement Việt Nam – Trạm nghiền Clinker Thị Vải)		
69.1	Cầu cảng số 1	01 năm/lần	
69.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
70	Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam SITV (Công ty TNHH Cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam)	01 năm/lần	
71	Bến cảng Quốc tế Thị Vải (Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải)		
71.1	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	

71.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
71.3	Cầu cảng số 3	02 năm/lần	
72	Bến Cảng Baria Serece (Công ty cổ phần Dịch vụ xuất nhập khẩu Nông lâm sản và Phân bón Baria)		
72.1	Cầu cảng số 1 (Phân đoạn A, Phân đoạn B, phân đoạn C)	02 năm/lần	
72.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
72.3	Cầu cảng số 3	03 năm/lần	
72.4	Cầu cảng số 4	03 năm/lần	
72.5	Cầu cảng số 5	03 năm/lần	
73	Bến cảng Đạm và Dịch vụ dầu khí tổng hợp (PTSC PM) (Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ)		
73.1	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	
73.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
73.3	Cầu cảng số 3	03 năm/lần	
73.4	Cầu cảng số 4	03 năm/lần	
74	Bến cảng Nhà máy Thép Phú Mỹ (Chi nhánh Công ty TNHH MTV cảng Sài Gòn tại Bà Rịa-Vũng Tàu)		
74.1	Cầu cảng số 1	01 năm/lần	
74.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
75	Bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA Thị Vải) (Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải)	01 năm/lần	
76	Bến cảng Quốc tế SP-PSA (Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA)		
76.1	Cầu cảng số 1	01 năm/lần	
76.2	Cầu cảng số 2	01 năm/lần	
77	Bến cảng POSCO (Công ty TNHH POSCO Việt Nam)	01 năm/lần	
78	Bến cảng Posco Yamato Vina (Công ty cổ phần thép Posco Yamato Vina)	01 năm/lần	
79	Bến cảng Nhà máy đóng tàu Ba son (Tổng công ty Ba son)		
79.1	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	
79.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	

79.3	Cầu cảng sà lan	02 năm/lần	
80	Bến cảng Interflour Cái Mép (Công ty TNHH Interflour Việt Nam)		
80.1	Cầu cảng 75000 DWT	03 năm/lần	
80.2	Cầu cảng 7000 DWT	03 năm/lần	
81	Bến cảng Container Cái Mép Thượng (TCCT) (TCIT)		
81.1	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	
81.2	Cầu sà lan số 1	03 năm/lần	
81.3	Cầu sà lan số 2	03 năm/lần	
81.4	Cầu sà lan số 3	03 năm/lần	
81.5	Cầu cảng số 2 (TCIT)	02 năm/lần	
81.6	Cầu cảng số 3 (TCIT)	02 năm/lần	
82	Bến cảng PVGAS Vũng Tàu (Công ty chế biến khí Vũng Tàu (PV Gas Vungtau))		
82.1	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	
82.2	Cầu cảng số 2	02 năm/lần	
83	Bến cảng xăng dầu PETEC Cái Mép (Tổng công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư - PETEC, XN xăng dầu Petec Cái Mép)		
83.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
83.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
83.3	Cầu cảng số 3	03 năm/lần	
84	Bến cảng Xăng dầu Petro Vũng Tàu (Công ty TNHH Dầu khí Hải Linh Vũng Tàu)	01 năm/lần	
85	Bến cảng Quốc tế Cái Mép CMIT (Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép)	01 năm/lần	
86	Bến cảng Container Quốc tế Cái Mép (TCTT) (Công ty TNHH MTV Cảng Tân cảng Cái Mép Thị Vải)	01 năm/lần	
87	Bến cảng container Quốc tế Cảng Sài Gòn-SSA (SSIT) (Công ty Liên doanh dịch vụ container Cảng Quốc tế Cảng Sài Gòn-SSA)		
87.1	Cầu cảng số 1	02 năm/lần	
87.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
87.3	Cầu cảng số 3	03 năm/lần	

88	Bến cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link (Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link)	03 năm/lần	
88.1	Cầu chính	01 năm/lần	
88.2	Cầu cảng sà lan	01 năm/lần	
89	Bến cảng Hyosung Vina chemicals (Công ty TNHH Hóa Chất Hyosung Vina)	01 năm/lần	
90	Bến cảng Tổng hợp Cái Mép (Công ty Cổ Phần Cảng Tổng hợp Cái Mép)	01 năm/lần	
91	Bến cảng Bến Đầm (Ban Quản lý cảng Bến Đầm)	03 năm/lần	
92	Bến cảng tàu khách Côn Đảo (Ban Quản lý cảng Bến Đầm)	03 năm/lần	
93	Bến phao Công ty CP Cảng Sài Gòn		
93.1	BP 10	03 năm/lần	
93.2	BP11	03 năm/lần	
93.3	BP12	03 năm/lần	
93.4	BP13	02 năm/lần	
93.5	BP14	02 năm/lần	
93.6	B.TL6-8	02 năm/lần	
93.7	TL2	02 năm/lần	
93.8	TL4	02 năm/lần	
94	Bến phao Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé		
94.1	B29A	02 năm/lần	
94.2	B29B	02 năm/lần	
94.3	BP3	02 năm/lần	
95	Bến phao Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thuỷ Sài Gòn		
95.1	TB1	03 năm/lần	
95.2	TB2	03 năm/lần	
95.3	TB3	03 năm/lần	
95.4	BP1	03 năm/lần	
96	Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn		
96.1	BP7	02 năm/lần	
96.2	Bến phao số 1 thượng lưu (BP6)	02 năm/lần	

96.3	Bến phao số 2 - Hạ lưu (BP5)	03 năm/lần	
97	Công ty CP Thương mại và Vận chuyển Trường An		
97.1	Trường An 01	03 năm/lần	
97.2	Trường An 06	03 năm/lần	
98	Công ty CP Falcon Logistics		
98.1	BP4	03 năm/lần	
99	Tổng công ty CP Đường sông miền Nam		
99.1	SOWATCO-ĐT1	02 năm/lần	
99.2	SOWATCO-ĐT2	03 năm/lần	
99.3	SOWATCO-ĐT3	03 năm/lần	
99.4	SOWATCO-TL9	02 năm/lần	
100	Bến phao Công ty TNHH cảng Phước Long		
100.1	PL03	01 năm/lần	
100.2	PL04	01 năm/lần	
100.3	PL05	01 năm/lần	
101	Bến phao Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp hàng hải Sài Gòn		
101.1	BP2	03 năm/lần	
101.2	BP3	03 năm/lần	
102	Bến phao Công ty TNHH Viên Phát Vinh		
102.1	BP4	03 năm/lần	
103	Bến phao Công ty cổ phần S.S.V		
103.1	VOSCO-SSV01	01 năm/lần	
103.2	VOSCO-SSV02	01 năm/lần	
104	Bến phao Công ty CP Vận tải và Giao nhận Hải Long		
104.1	Hải Long 1 (HL1)	01 năm/lần	
104.2	Hải Long 2 (HL2)	01 năm/lần	
104.3	Hải Long 3 (HL3)	01 năm/lần	
105	Bến phao Công ty CP Nhà Rồng		
105.1	BP20	01 năm/lần	
105.2	BP-SR3	01 năm/lần	
105.3	BP-SR4	01 năm/lần	

105.4	BP-SR5	01 năm/lần	
105.5	SR-6A	01 năm/lần	
106	Bến phao Công ty CP Thương mại Dịch vụ hàng hải Phú Mỹ		
106.1	PM 1	01 năm/lần	
106.2	PM 2	01 năm/lần	
106.3	PM 3	01 năm/lần	
107	Bến phao Công ty CP Vận tải và Thương mại Quốc Tế		
107.1	BP10	01 năm/lần	
107.2	BP11	01 năm/lần	
107.3	BP11 (sông Đồng Nai)	01 năm/lần	
108	Bến phao Công ty TNHH TMDV Hoàng Hải Đăng		
108.1	B.TT4	03 năm/lần	
108.2	B.TT5	03 năm/lần	
108.3	B.TT8	03 năm/lần	
108.4	B.TT9	03 năm/lần	
109	Bến phao Công ty CP DV VTB Hải Vân		
109.1	TL10	01 năm/lần	
109.2	TL11	01 năm/lần	
109.3	BP1	01 năm/lần	
109.4	BP4	01 năm/lần	
109.5	BP10	01 năm/lần	
110	Bến phao Công ty CP Hưng Thái Holdings		
110.1	BP8	02 năm/lần	
110.2	BP9	02 năm/lần	
110.3	BP11	02 năm/lần	
110.4	BP2	02 năm/lần	
110.5	BP3	02 năm/lần	
111	Bến phao Công ty Cổ phần Bảo Việt Phát		
111.1	BVP3	01 năm/lần	
112	Bến phao Công ty Cổ phần vân tải và xếp dỡ Hải An		

112.1	BP5	01 năm/lần	
113	Bến phao Công ty cổ phần Thương mại đầu tư dầu khí Nam Sông Hậu		
113.1	Nam Sông Hậu Petro	01 năm/lần	
114	Bến phao Công ty CP Đầu tư Long Thuận		
114.1	BP12	01 năm/lần	
114.2	BP13	01 năm/lần	
115	Bến phao Công ty TNHH Đầu tư TMDV XNK Hoàng Minh		
115.1	BP7	01 năm/lần	
116	Bến phao Chi nhánh Tổng công ty dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Miền Đông		
116.1	Bến phao neo tàu dầu trọng tải 50.000 DWT	03 năm/lần	
117	Bến phao Công ty TNHH Hoàng Nguyên		
117.1	Bến phao Hoàng Nguyên Vũng Tàu	01 năm/lần	
118	Bến phao Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Quốc tế		
118.1	Bến phao BP1	03 năm/lần	
118.2	Bến phao BP2	03 năm/lần	
118.3	Bến phao BP3	03 năm/lần	
119	Bến phao BP 17 (Công ty Cổ phần Trục vớt - Cứu hộ - Lai dắt hàng hải Long Beach)	12 tháng/lần	(*)

Ghi chú: (*) Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 05/2026/TT-BXD: Đối với vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải mới được công bố lần đầu, hoặc sau khi nạo vét cải tạo, nâng cấp thực hiện khảo sát với tần suất 12 tháng/lần trong 03 năm đầu trừ trường hợp trong hồ sơ thiết kế yêu cầu thực hiện khảo sát với tần suất nhiều hơn để đảm bảo an toàn và theo dõi mức độ bồi lắng.

NHÓM CẢNG BIỂN SỐ 5

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
I	**CẢNG BIỂN TIỀN GIANG**		
1	Bến cảng Mỹ Tho		
1.1	Cầu 1.000DWT	03 năm/lần	
1.2	Cầu 5.000DWT giảm tải	03 năm/lần	
II	**CẢNG BIỂN ĐỒNG THÁP, VĨNH LONG, BẾN TRE**		
1	Bến cảng Tân Cảng Cao Lãnh	03 năm/lần	
2	Bến cảng Kho xăng dầu Đồng Tháp	03 năm/lần	
3	Bến cảng Tân Cảng Sa Đéc	03 năm/lần	
4	Bến cảng Vĩnh Long	03 năm/lần	
5	Bến cảng Tân Cảng Giao Long	03 năm/lần	
III	**CẢNG BIỂN CẦN THƠ, AN GIANG, HẬU GIANG, SÓC TRĂNG, TRÀ VINH**		
1	Bến cảng Nhiệt điện Ô Môn		
1.1	Cầu cảng bốc dỡ nhiên liệu, thiết bị nặng	03 năm/lần	
1.2	Cầu cảng bốc dỡ đá vôi	03 năm/lần	
2	Bến cảng chuyên dùng xuất thạch cao Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ	03 năm/lần	
3	Bến cảng chuyên dùng Phúc Thành	03 năm/lần	
4	Bến cảng Sài Gòn Petro Cần Thơ (Cầu cảng kho xăng dầu Trà Nóc II)	03 năm/lần	
5	Bến cảng Công ty Cổ phần TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu chi nhánh Cần Thơ		
6	Bến cảng PV Gas South (Cầu cảng chuyên dùng Kho LPG)	03 năm/lần	
7	Bến cảng Tổng kho xăng dầu Miền Tây		
7.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
7.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
8	Bến cảng Kho xăng dầu Trà Nóc	03 năm/lần	
9	Bến cảng Lương thực Sông Hậu	03 năm/lần	
10	Bến cảng Chuyên dùng kho xăng dầu K34/QK9	03 năm/lần	
11	Bến cảng Hoàng Diệu		
11.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
11.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
12	Bến cảng Total Gas Cần Thơ	-	Dừng hoạt động
13	Bến cảng X55	03 năm/lần	
14	Bến cảng Vận tải thủy Cần Thơ	03 năm/lần	
15	Bến cảng xăng dầu PetroMekong		
15.1	Cầu cảng chuyên dụng 3.000 DWT	03 năm/lần	
15.2	Cầu cảng xà lan 500 DWT	03 năm/lần	
16	Bến cảng Tân Cảng Cái Cui	03 năm/lần	
17	Bến cảng Cái Cui		
17.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
17.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
18	Bến cảng 620 Châu Thới		
18.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
18.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
19	Bến cảng tổng hợp VIMC Hậu Giang		
19.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
19.2	Cầu cảng 5.000DWT	03 năm/lần	
20	Bến cảng chuyên dùng quốc tế Lee&Man	03 năm/lần	
21	Bến cảng tổng hợp Cái Côn	03 năm/lần	
22	Bến cảng Superdong Trần Đề - Sóc Trăng	03 năm/lần	
23	Bến cảng chuyên dùng Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1		
23.1	Cầu cảng nhập than	03 năm/lần	

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
23.2	Cầu cảng nhập đá vôi	03 năm/lần	
23.3	Cầu cảng xuất thạch cao	03 năm/lần	
23.4	Cầu cảng nhập thiết bị kết hợp xuất tro xỉ	03 năm/lần	
23.5	Cầu cảng nhập dầu	03 năm/lần	
24	Bến cảng Trung tâm điện lực Duyên Hải		
24.1	Cầu cảng nhận than số 1	01 năm/lần	
24.2	Cầu cảng nhận than số 2	01 năm/lần	
24.3	Cầu cảng nhận than số 3	-	Đang nâng cấp (*)
24.4	Cầu cảng nhận dầu số 4	01 năm/lần	
25	Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2		
25.1	Cầu cảng nhập than	01 năm/lần	
25.2	Cầu cảng xuất tro xỉ	01 năm/lần	
26	Bến cảng Mỹ Thới	03 năm/lần	
27	Bến phao SH1, SH2	03 năm/lần	
28	Bến phao LTSH1, LTSH2, LTSH3	03 năm/lần	
29	Bến phao Xi măng Tây Đô	03 năm/lần	
30	Bến phao 10.000 DWT Nhà máy Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang	03 năm/lần	
31	Bến phao 10.000 DWT neo chờ Nhà máy Nhiệt điện sông Hậu 1	03 năm/lần	
32	Bến phao neo chờ tàu biển vào Bến cảng Trung tâm điện lực Duyên Hải - số 1	01 năm/lần	
33	Bến phao neo chờ tàu biển vào Bến cảng Trung tâm điện lực Duyên Hải - số 2	01 năm/lần	
39	Bến phao neo tàu trọng tải 6.500 DWT	-	Tạm dừng khai thác
40	Bến phao neo tàu cho tàu có trọng tải đến 15.000 DWT	-	Tạm dừng khai thác
41	Khu chuyển tải tạm thời tại Duyên Hải	01 năm/lần	(*)

STT	Tên bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
42	Khu neo chuyển tải tạm thời của Công ty TNHH Hàng hải Sao Mai tại Duyên Hải	03 năm/lần	
43	Khu neo chuyển tải tạm thời của Công ty Cổ phần Phát triển Logistics Quang Minh	03 năm/lần	
44	Khu neo chuyển tải tạm thời tại Duyên Hải của Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải biển Hải Vân	03 năm/lần	
45	Khu neo chuyển tải tạm thời tại Duyên Hải, tỉnh Vĩnh Long	03 năm/lần	
46	Bến phao Cảng Mỹ Thới (MT 01, MT 02)	03 năm/lần	
47	Bến phao Cảng Mỹ Thới (MT 03)	03 năm/lần	
48	Bến phao Cảng Mỹ Thới (MT 04, MT 05)	03 năm/lần	
49	Bến phao Cảng Mỹ Thới (MT 07, MT 08)	03 năm/lần	
IV	**CẢNG BIỂN KIÊN GIANG, CÀ MAU**		
1	Bến cảng Bãi Vòng		
1.1	Cầu cảng số 1	03 năm/lần	
1.2	Cầu cảng số 2	03 năm/lần	
1.3	Cầu cảng số 3	03 năm/lần	
2	Bến cảng An Thới		
2.1	Cầu tàu 3.000 DWT	-	Tạm dừng khai thác
2.2	Bến phao neo 30.000 DWT	-	Tạm dừng khai thác
3	Bến cảng chuyên dùng Bình Trị	03 năm/lần	
4	Bến cảng Hòn Chông	-	Dừng hoạt động
5	Bến cảng Năm Căn	03 năm/lần	
6	Bến cảng hành khách quốc tế Phú Quốc	02 năm/lần	

Ghi chú:

- (*) Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 05/2026/TT-BXD: Đối với vùng nước trước bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải mới được công bố lần đầu, hoặc sau khi nạo vét cải tạo, nâng cấp thực hiện khảo sát với tần suất 12 tháng/lần trong 03

năm đầu trừ trường hợp trong hồ sơ thiết kế yêu cầu thực hiện khảo sát với tần suất nhiều hơn để đảm bảo an toàn và theo dõi mức độ bồi lắng.

- Đối với bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu chuyển tải đang tạm dừng khai thác, dừng hoạt động: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Thông tư 05/2026/TT-BXD ngày 10/02/2026 của Bộ Xây dựng.

PHỤ LỤC II

Danh mục tần suất khảo sát thông báo hàng hải luồng hàng hải chuyên dùng

NHÓM CẢNG BIỂN SỐ 1

STT	Luồng hàng hải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
I	**CẢNG BIỂN QUẢNG NINH**		
1	Luồng chuyên dùng ra, vào cầu 500DWT Bến cảng xăng dầu B12	03 năm/lần	
2	Luồng chuyên dùng vào Bến cảng xăng dầu Cái Lân	03 năm/lần	
3	Luồng chuyên dùng ra, vào Bến cảng chuyên dùng Nhà máy nhiệt điện Thăng Long	03 năm/lần	
4	Luồng chuyên dùng ra, vào Nhà máy Xi măng Hạ Long		
4.1	Luồng vào cầu cảng xuất clinker	02 năm/lần	
4.2	Luồng vào cầu nhập nguyên liệu và xuất xi măng bao	02 năm/lần	
5	Luồng chuyên dùng ra, vào nhà máy Xi măng Cẩm Phả		
5.1	Đoạn 1: Từ luồng vào cảng Cẩm Phả đến bến tàu 15.000DWT	02 năm/lần	
5.2	Đoạn 2: Từ bến tàu 15.000DWT đến bến 2.000DWT	03 năm/lần	
6	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng than Cẩm Phả	01 năm/lần	
II	**CẢNG BIỂN HẢI PHÒNG**		
1	Tuyến luồng vào Bến cảng Euro Đình Vũ	02 năm/lần	
2	Tuyến luồng vào Bến cảng nhiệt điện Hải Phòng	03 năm/lần	

NHÓM CẢNG BIỂN SỐ 2

STT	Luồng hàng hải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
I	**CẢNG BIỂN THANH HOÁ**		
1	Luồng hàng hải chuyên dùng Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn	01 năm/lần	
2	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Xi măng Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	02 năm/lần	
3	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Nhiệt điện Nghi Sơn 1 và Bến cảng Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2, tỉnh Thanh Hóa	02 năm/lần	
4	Luồng chuyên dùng vào bến cảng thuộc Dự án ĐTXD khu phát triển GAS&LNG và các loại hình phụ trợ lọc hóa dầu Nghi Sơn	01 năm/lần	
II	**CẢNG BIỂN NGHỆ AN**		
1	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng tổng hợp Vissai		
1.1	Luồng vào Bến số 1	02 năm/lần	
1.2	Luồng vào Bến số 2	02 năm/lần	
2	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Kho Xăng dầu DKC		
2.1	Luồng vào Cầu 10000DWT	02 năm/lần	
2.2.	Luồng vào Cầu 49000DWT	01 năm/lần	
3	Luồng vào Phao xăng dầu Nghi Hương	02 năm/lần	
4	Luồng vào Cầu cảng 1000 DWT - Kho Xăng dầu Xuân Giang	03 năm/lần	
III	**CẢNG BIỂN HÀ TĨNH**		
1	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Sơn Dương	01 năm/lần	
2	Đoạn luồng hàng hải vào Bến cảng Xăng dầu LPG Vũng Áng	02 năm/lần	
3	Luồng hàng hải vào Bến cảng chuyên dùng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	02 năm/lần	
IV	**CẢNG BIỂN QUẢNG BÌNH, QUẢNG TRỊ**		
1	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng chuyên dùng Trung tâm điện lực Quảng Trạch	6 tháng/lần	(*)
V	**CẢNG BIỂN HUẾ**		

STT	Luồng hàng hải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
1	Luồng nhánh vào Bến phao Kho xăng dầu Chân Mây	03 năm/lần	
2	Đoạn luồng nối tiếp từ luồng hàng hải Chân Mây vào đến vũng quay tàu cầu cảng số 3	01 năm/lần	

Ghi chú: (*) Theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Thông tư số 05/2026/TT-BXD: Đối với tuyến luồng hàng hải, khu neo đậu, khu tránh trú bão, vùng đón trả hoa tiêu mới được công bố lần đầu, hoặc sau khi nạo vét cải tạo, nâng cấp thực hiện khảo sát với tần suất 06 tháng/lần trong 03 năm đầu trừ trường hợp trong hồ sơ thiết kế yêu cầu thực hiện khảo sát với tần suất nhiều hơn để đảm bảo an toàn và theo dõi mức độ bồi lắng.

NHÓM CẢNG BIỂN SỐ 3

STT	Luồng hàng hải chuyên dùng	Tần suất khảo sát	Ghi chú
I	**CẢNG BIỂN QUẢNG NGÃI**		
1	Luồng vào Nhà máy đóng tàu Dung Quất	01 năm/lần	
2	Luồng vào Bến cảng chuyên dùng KLH sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất		
2.1	Luồng tàu từ phao số 0 đến vùng quay tàu O1' (rộng 230m)	03 tháng/lần	
2.2	Luồng tàu ra vào cầu cảng số 6, số 11 (rộng 184,7m)	03 tháng/lần	
2.3	Luồng tàu ra vào cầu cảng số 5, số 10 (rộng 180m)	01 năm/lần	
3	Luồng vào Bến cảng Tổng hợp Hào Hưng Quảng Ngãi		
3.1	Đoan luồng dùng chung vào Cầu cảng chuyên dùng HD Hyundai Eco Vina	01 năm/lần	
3.2	Đoạn luồng vào cầu cảng số 2,3,4 - Bến cảng tổng hợp Hào Hưng	01 năm/lần	
II	**CẢNG BIỂN KHÁNH HOÀ**		
1	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa	01 năm/lần	
2	Luồng hàng hải chuyên dùng vào bến cảng Nhà Máy tàu biển Hyundai – Vinashin	01 năm/lần	
3	Luồng hàng hải chuyên dùng vào bến cảng Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1	01 năm/lần	
4	Luồng hàng hải chuyên dùng vào bến cảng Tổng hợp Nam Vân Phong	01 năm/lần	
5	Luồng hàng hải chuyên dùng vào bến cảng Hòn Khói	02 năm/lần	
6	Luồng hàng hải chuyên dùng vào bến cảng Trạm phân phối xi măng Ninh Thủy	01 năm/lần	
7	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Nhà máy đóng bao và Trạm phân phối xi măng Long Sơn	01 năm/lần	
8	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Nhà máy đóng bao và Trạm phân phối xi măng Xuân Thành	02 năm/lần	
9	Luồng hàng hải chuyên dùng vào vào bến cảng Công viên bến du thuyền quốc tế	01 năm/lần	
10	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng khí hóa lỏng Hồng Mộc, tỉnh Khánh Hòa	03 năm/lần	

STT	Luồng hàng hải chuyên dùng	Tần suất khảo sát	Ghi chú
11	Luồng hàng hải chuyên dùng vào cảng K662	02 năm/lần	
12	Luồng hàng hải chuyên dùng vào cảng Nhà máy XMCR	03 năm/lần	
13	Luồng hàng hải chuyên dùng vào cảng quốc tế Cam Ranh	01 năm/lần	
III	**CẢNG BIỂN BÌNH THUẬN**		
1	Luồng hàng hải vào bến cảng Quốc tế Trung Nam Cà Ná	06 tháng/lần	
2	Luồng hàng hải vào bến cảng Nhiệt điện Vĩnh Tân	06 tháng/lần	
3	Luồng hàng hải vào bến cảng Quốc tế Vĩnh Tân	02 năm/lần	
4	Luồng hàng hải vào bến cảng xăng dầu LPG Tuy Phong	02 năm/lần	

NHÓM CẢNG BIỂN SỐ 4

STT	Luồng hàng hải	Tần suất khảo sát	Ghi chú
I	**CẢNG BIỂN BÀ RỊA - VŨNG TÀU, TP. HỒ CHÍ MINH**		
1	Luồng hàng hải nối từ Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải vào Cầu cảng Hydrocarbon thuộc Bến cảng chuyên dùng Dự án Tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam	01 năm/lần	
2	Luồng hàng hải chuyên dùng vào bến phao Cù Lao Tào	01 năm/lần	
3	Tuyến luồng vào Bến cảng Căn cứ Vùng 2/QCHQ	01 năm/lần	

NHÓM CẢNG BIỂN SỐ 5

STT	Luồng hàng hải chuyên dùng	Tần suất khảo sát	Ghi chú
I	**CẢNG BIỂN CẦN THƠ, AN GIANG, HẬU GIANG, SÓC TRĂNG, TRÀ VINH**		
1	Đoạn luồng hàng hải nối từ Luồng hàng hải Định An – Sông Hậu vào Bến cảng xăng dầu Petro Mekong	03 năm/lần	
2	Luồng riêng vào Bến cảng Trung tâm Điện lực Duyên Hải	03 tháng/lần	
II	**CẢNG BIỂN KIÊN GIANG, CÀ MAU**		
1	Luồng hàng hải chuyên dùng vào Bến cảng Bình Trị	02 năm/lần	
2	Luồng chuyên dùng vào bến cảng hành khách quốc tế Phú Quốc	02 năm/lần	